

Số: /BC-UBND

Hồng Ngự, ngày tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO
Giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2021

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp

Thực hiện Công văn số 51/SKHĐT-ĐTTĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc lập và gửi báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư năm 2021, Ủy ban nhân dân Huyện báo cáo như sau:

1. Tình hình ban hành văn bản hướng dẫn các chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư theo thẩm quyền

1.1. Tình hình thực hiện:

Quy trình xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật được thực hiện theo quy định hiện hành, các văn bản hướng dẫn được thực hiện theo thẩm quyền, phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chỉ đạo của cấp trên.

- Phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư xây dựng công trình tuân thủ theo các quy định:

+ Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

+ Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Phê duyệt Quyết định đầu tư, hồ sơ thiết kế tuân thủ theo quy định:

+ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

+ Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

+ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

+ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành quy định phân công, phân cấp và ủy quyền tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

+ Quyết định số 23//2021/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc Ban hành quy định phân công, phân cấp và ủy

quyền trong việc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

1.2. Kết quả đạt được: Các văn bản pháp luật, hướng dẫn giúp các cơ quan quản lý về xây dựng và chủ đầu tư kịp thời nắm bắt, cập nhật các chủ trương chính sách pháp luật của Nhà nước, góp phần tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đầu tư. Các văn bản được ban hành kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo điều hành, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đầu tư.

2. Tình hình quản lý quy hoạch

2.1. Tình hình thực hiện:

Các dự án đầu tư năm 2021 được thực hiện phù hợp với quy hoạch phát triển của ngành, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Huyện, có tác động rõ rệt đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Nhìn chung việc lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành Nhà nước.

Các dự án quy hoạch sau khi được phê duyệt đều được công bố, tuyên truyền, phổ biến trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

Trong quá trình thực hiện quy hoạch tăng cường công tác kiểm tra nhằm phát hiện các sai sót, kịp thời chấn chỉnh và sửa đổi, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2.2. Kết quả đạt được.

Các quy hoạch được phê duyệt đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương, hoàn chỉnh căn cứ pháp lý để triển khai các hoạt động đầu tư, quản lý hoạt động đầu tư.

Các quy hoạch là căn cứ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch hằng năm, các chương trình đề án của các cơ quan.

Các quy hoạch sau khi phê duyệt được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức kinh tế, xã hội và cá nhân, doanh nghiệp, nhà đầu tư nắm rõ chủ trương, quan điểm mục tiêu phát triển, tiềm năng, cơ hội khai thác đầu tư.

2.3. Tồn tại hạn chế: Người dân ít quan tâm đến công tác quy hoạch tại địa phương.

2.4. Đề xuất kiến nghị:

- Nâng cao chất lượng công tác lập và thẩm định quy hoạch.
- Công khai quy hoạch, nêu cao vai trò giám sát cộng đồng đối với việc thực hiện quy hoạch.
- Chính sách ưu đãi, thu hút nhà đầu tư để đầu tư phát triển đô thị.

3. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm 2021: 203.917 triệu đồng.
- Tổng giá trị khối lượng thực hiện: 127.515 triệu đồng, đạt 62,53%.
- Kết quả giải ngân vốn đầu tư trong kỳ: 200.675 triệu đồng, đạt 98,41%.
- Tình hình nợ đọng vốn đầu tư (nếu có): Không.
- Tình trạng lãng phí, thất thoát vốn đầu tư (nếu có): Không.

(Đính kèm phụ biểu 01)

4. Tình hình quản lý các chương trình đầu tư công

- Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư: Thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư trung hạn 2021–2025 theo đúng quy định.
- Việc lập, thẩm định, phê duyệt đầu tư công trình: Thực hiện theo Luật Đầu tư công và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn.

5. Tình hình quản lý các dự án đầu tư sử dụng vốn Nhà nước

- Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư: Thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư: Thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán: Thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

6. Tình hình thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư

- Tình hình thực hiện chế độ báo cáo: Chấp hành nghiêm việc báo cáo, đánh giá giám sát đầu tư theo quy định của Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương.
- Đánh giá chất lượng của các báo cáo: Chất lượng báo cáo được cải thiện. Tỷ lệ báo cáo về giám sát đầu tư năm 2021 đạt cao so với cùng kỳ năm trước.
- Kết quả kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ:
 - + Số dự án đã được kiểm tra trong kỳ: 49 dự án, đạt 100% kế hoạch.
 - + Số dự án đã được đánh giá trong kỳ: 49 dự án, đạt 100% kế hoạch.
 - + Qua kiểm tra không phát hiện các sai phạm về đầu tư xây dựng cơ bản.

(Đính kèm phụ biểu 02)

7. Đề xuất, kiến nghị

- Tăng cường thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án để từ đó có biện pháp xử lý kịp thời, hiệu quả, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai phạm tiêu cực gây thất thoát, lãng phí vốn trong quá trình thực hiện đầu tư.

- Tăng cường công tác đào tạo, hướng dẫn, tập huấn nhằm nâng cao năng lực, trình độ nghiệp vụ và trách nhiệm của chủ thể tham gia hoạt động xây dựng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT/UBND Huyện;
- Phòng TC-KH;
- LDVP;
- Lưu: VT, hvh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Văn Bôn

Stt	Nội dung	Phân theo nguồn vốn													
		Tổng cộng các dự án sử dụng vốn nhà nước				Dự án đầu tư công									DA SD vốn NN ngoài vốn ĐTC
						Dự án sử dụng NSTW				TP CP	ODA	NS ĐP	Vốn ĐTC khác		
		Tổng số	A	B	C	Tổng số	A	B	C						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
7	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ (sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán)														
a	Tổng vốn đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện														
b	Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định														
8	Số dự án chậm tiến độ trong kỳ														
a	Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư														
b	Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng														
c	Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu														
d	Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời														
đ	Số dự án chậm do các nguyên nhân khác														
9	Số dự án phải điều chỉnh trong kỳ														
a	Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư														
b	Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư														
c	Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư														
d	Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác														
10	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau														
11	Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ														
a	Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ	30			30							30			
-	Chi định thầu	07			07							07			
-	Đấu thầu qua mạng	21			21							21			
-	Đấu thầu rộng rãi	02			02							02			
-	Hình thức khác (chào hàng cạnh tranh, mua sắm hàng hóa)	30			30							30			
b	Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ														
-	Đấu thầu không đúng quy định														
-	Ký hợp đồng không đúng quy định														
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng														
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ	20			20							20			
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán														
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ	20			20							20			
4	Tình hình khai thác vận hành	20			20							20			
a	Số dự án đã đưa vào vận hành	20			20							20			

